TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2021/DS-ST
Ngày: 20 - 4 - 2021.
V/v tranh chấp*: Hợp đồng dân sự vay tài sản giữa ông C và vợ chồng ông Đ, bà D.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tài**
2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ -** Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **20** tháng **4** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 188/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông **Phạm Quang C**, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Có mặt).*

**** Bị đơn:*** Vợ chồng ông **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1973 và bà **Đỗ Thị D**, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Thôn 15, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phạm Quang C trình bày:

Vào ngày 14/7/2020 ông C có cho vợ chồng ông Đ, bà D vay số tiền 250.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, lãi suất theo thỏa thuận, hẹn đến ngày 14/9/2020 sẽ trả cả gốc và lãi. Đến hạn, mặc dù ông C đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ, bà D vẫn không trả nợ. Ngày 14/9/2020 vợ chồng ông Đ, bà D mới trả được 90.000.000đ tiền gốc. Vì vậy, ông C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà D phải trả lại số tiền gốc còn nợ là 160.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy Đ của pháp luật kể từ ngày vay 14/7/2020 đến nay.

** Bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ*

nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của vợ chồng ông Đ, bà D tại Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn ông Phạm Quang C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***- Về tố tụng*:** Ông Phạm Quang C có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Vào ngày 14/7/2020 ông C có cho vợ chồng ông Đ, bà D vay số tiền 250.000.000đ hẹn đến ngày 14/9/2020 sẽ trả cả gốc và lãi. Nhưng đến hạn, ông C đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ, bà D vẫn không trả đầy đủ số tiền nợ như đã cam kết nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Qúa trình giải quyết vụ án, ông C đã cung cấp cho Tòa án bản chính 01 giấy mượn tiền lập ngày 14/7/2020 có chữ ký của vợ chồng ông Đ, bà D.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc ông C và vợ chồng ông Đ, bà D có giao dịch dân sự với nhau bằng việc cho vay tiền là có thật. Quá trình giao dịch, hai bên đã thể hiện bằng giấy tờ cụ thể, cả hai vợ chồng ông Đ, bà D đều ký nhận vào giấy mượn tiền. Quá trình giiai quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ, bà D cố tình vắng mặt và cũng không cung cấp được chứng cứ gì về việc đã trả nợ cho ông C hay chưa. Ông C thừa nhận ngày 20/10/2020 vợ chồng ông Đ, bà D đã trả được 90.000.000đ tiền gốc. Vì vậy, ông C yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà D phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc còn nợ 160.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi suất: Ông C trình bày hai bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không ghi rõ lãi suất trong giấy mượn tiền. Vợ chồng ông Đ, bà D vắng mặt nên cần xác định đây là trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương đương 20%/năm x 50% = 10%/năm : 12 tháng = 0,83%/tháng. Quá trình giiai quyết vụ án cũng như tại phiên tòa

hôm nay, ông C yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày vay tiền 14/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 09 tháng x 160.000.000đ x 0,83%/tháng = 11.952.000đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 171.952.000đ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C đối với vợ chồng ông Đ, bà D; Buộc vợ chồng ông Đ, bà D phải có trách nhiệm trả cho ông C tổng số tiền là 171.952.000đ; trong đó: tiền gốc là 160.000.000đ, tiền lãi là 11.952.000đ.

- Về án phí: Vợ chồng ông Đ, bà D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 171.952.000đ x 5% = 8.597.600đ.

Ông Phạm Quang C không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*". Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang C đối với vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Buộc vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Quang C số tiền 171.952.000đ (*Một trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm năm mươi hain ngàn đồng)*; trong đó: tiền gốc là 160.000.000đ, tiền lãi là 11.952.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D phải chịu 8.597.600đ (*Tám triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn sáu trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Quang C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Quang C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.200.000đ (*Bốn triệu hai trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004742 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/4/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường